

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG

CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG E-CA

Mã NV:

Số HĐ:

Các Căn Cứ:

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Luật giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được Quốc hội ban hành 22/06/2023 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15 ngày 20/06/2023 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;
- Căn cứ Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17/04/2023 của Chính phủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- Căn cứ Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/05/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số;
- Căn cứ Thông tư 04/2019/TT-BTTTT ngày 05/07/2019 Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về liên thông cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số;
- Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng số 234/GP-BTTTT được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 10/05/2022;
- Căn cứ Quy chế chứng thực chữ ký số E-CA (E-CA-CP/CPS);
- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;
- Căn cứ nhu cầu sử dụng của khách hàng,

Hôm nay, ngày tháng năm , tại Chúng tôi gồm:

I. THÔNG TIN CÁC BÊN

1. BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (BÊN A)

Tên công ty :

Người đại diện : Chức vụ:

Địa chỉ trên GCNĐKDN :

Địa chỉ trên CTS và xuất
hóa đơn (sau sáp nhập)

Mã số thuế :

Điện thoại :

Thông tin người nhận CKS (Token và hóa đơn)

Họ và tên người nhận :

Số điện thoại :

Địa chỉ người nhận :

Email dùng để đăng ký và nhận thông báo CKS:

2. BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (BÊN B)

Tên công ty : CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÁI SƠN

Người đại diện : Ông Nguyễn Văn Khiêm Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 362 Phố Huế, Phường Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
VPGD : Số 11 Đặng Thùy Trâm, Phường Nghĩa Đô, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế : 0101300842
Điện thoại : 024.3754.5222
Số tài khoản : 0491001474862 (VND)
Tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương, CN Thăng Long – Hà Nội

(Bên A và Bên B sau đây gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”)

Các Bên thỏa thuận ký hợp đồng “**Cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng**” (sau đây gọi tắt là “**Hợp Đồng**”) với các điều khoản và điều kiện như sau:

II. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

“**Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng E-CA**”: là tổ chức chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, được gọi tắt là E-CA. Quyền hạn và trách nhiệm của E-CA trong hợp đồng này được hiểu là quyền hạn và trách nhiệm của Trung tâm cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng E-CA, đơn vị thuộc Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Thái Sơn.

ĐIỀU 1. PHẠM VI, GIỚI HẠN SỬ DỤNG

- 1.1. Bên A có nhu cầu sử dụng và Bên B chấp thuận cung cấp Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng E-CA (Sau đây gọi tắt là **Dịch vụ**) của Bên B cho Bên A.
- 1.2. Bên B đảm bảo cung cấp cho Bên A dịch vụ chứng thư chữ ký số: Dành cho tổ chức, doanh nghiệp
- 1.3. Bên B đảm bảo cung cấp chứng thư chữ ký số cho Bên A với các đặc tính sau:
 - Đảm bảo tính xác thực trong các giao dịch điện tử.
 - Đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu của văn bản được ký bởi chữ ký xác thực hợp lệ.
 - Là bằng chứng chống chối bỏ trách nhiệm trên nội dung đã ký.
- 1.4. Bên A nhận thức đầy đủ quyền và trách nhiệm khi thực hiện giao dịch sử dụng dịch vụ trên đây, đồng thời chịu trách nhiệm bảo mật các yếu tố xác thực thuê bao.
- 1.5. Chứng thư chữ ký số được phát hành bởi Bên B có hiệu lực sử dụng căn cứ theo: Dịch vụ có thời hạn bắt đầu từ thời điểm hai bên ký kết Hợp đồng, Bên A cung cấp đầy đủ hồ sơ cho Bên B theo Khoản 7.1.2 Điều 7 của Hợp đồng này.
- 1.6. Bên B sẽ bàn giao sản phẩm và dịch vụ cho Bên A tối đa không quá 05 ngày làm việc sau khi hai bên ký kết hợp đồng này.

ĐIỀU 2. MỨC ĐỘ BẢO MẬT

- 2.1. Hệ thống phân phối khóa cho thuê bao (Bên A) phải đảm bảo sự toàn vẹn và bảo mật của cặp khóa. Trong trường hợp phân phối khóa thông qua môi trường mạng máy tính thì hệ thống phân phối khóa phải sử dụng các giao thức bảo mật đảm bảo không lộ thông tin trên đường truyền.
- 2.2. Bên A có trách nhiệm lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư chữ ký số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng.
- 2.3. Chứng thư chữ ký số được phát hành bởi E-CA tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn bảo mật theo quy định của pháp luật, cơ quan có thẩm quyền và được thể hiện trong Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ, Quy chế chứng thực CP/CPS của E-CA.

ĐIỀU 3. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO CHỮ KÝ SỐ

- 3.1. Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư chữ ký số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư chữ ký số đó;
- 3.2. Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư chữ ký số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng phát hành;

3.3. Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký.

ĐIỀU 4. CHI PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG CHỨNG THƯ CHỮ KÝ SỐ CỦA THUÊ BAO

- Giá thiết bị lưu trữ chứng thư chữ ký số E-CA theo quy định tại thời điểm ký hợp đồng.
- Chi phí thuê bao duy trì chứng thư chữ ký số, dịch vụ hàng năm theo bản đăng ký tại thời điểm ký hợp đồng lần đầu và bảng giá gia hạn tại thời điểm gia hạn dịch vụ.

4.1. Gói dịch vụ sử dụng:

Sản phẩm	Gói dịch vụ	Cước phí (VNĐ)		Thuế VAT 8% (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mô tả nội dung gói sản phẩm
		Dịch vụ CTS	Token			
CTS dành cho Tổ chức, Doanh nghiệp	1 năm	1,160,000	500,000	132,800	1,792,800	Chứng thư chữ ký số Token E-CA_v1
	2 năm	1,990,000	500,000	199,200	2,689,200	
	3 năm	2,830,000 (Miễn phí Token)		226,400	3,056,400	

4.2. Giá trị hợp đồng

Giá trị của hợp đồng được tính theo các gói dịch vụ trong điều 4.1

Giá trị USB Token (chưa VAT) :

Giá trị dịch vụ (chưa VAT) :

Thuế VAT (8%) :

Tổng giá trị Hợp đồng :

(Bằng chữ:/.)

Thời hạn sử dụng: Từ ngày đến ngày.....

ĐIỀU 5. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN, GIA HẠN SỬ DỤNG DỊCH VỤ

5.1. Thanh toán:

- Bên B xuất hóa đơn điện tử cho Bên A theo Gói thuê bao Dịch vụ mà Bên A đã đăng ký tại Điều 4.2 hợp đồng này.
- Bên A có trách nhiệm thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Bên B 100% giá trị Hợp đồng quy định tại Điều 4.2 trong vòng 05 ngày làm việc ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng này và nhận được hóa đơn thanh toán.
- Các khoản phí Bên A đã thanh toán cho Bên B sẽ không được hoàn trả trong trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng.

5.2. Gia hạn sử dụng dịch vụ:

- Việc thông báo gia hạn được Bên B gửi cho Bên A bằng bất kỳ hình thức truyền tin hợp lệ nào (nhưng không bắt buộc) trước khi hết hạn sử dụng dịch vụ.
- Việc gia hạn phải được hoàn thành thủ tục 05 ngày trước khi hết hạn sử dụng dịch vụ.
- Trường hợp khi hết hạn mà thuê bao không gia hạn chứng thư chữ ký số, Bên B thông báo tới thuê bao về chứng thư chữ ký số đã hết hiệu lực. Nếu thuê bao không gia hạn, bộ phận tiếp nhận hồ sơ gửi yêu cầu tạm dừng chứng thư chữ ký số theo khoản 4.6.2. Quy chế chứng thực E-CA.

ĐIỀU 6. TẠM DỪNG, THU HỒI CHỨNG THƯ CHỮ KÝ SỐ CỦA THUÊ BAO

6.1. Chứng thư chữ ký số công cộng của bên A bị tạm dừng trong các trường hợp sau đây:

- (a) Khi Bên A có yêu cầu bằng văn bản và yêu cầu này đã được bên B xác minh là chính xác;
- (b) Khi phát hiện có rủi ro, sai lệch hoặc có dấu hiệu bất thường giữa các thông tin nhận biết tổ chức, cá nhân với các yếu tố sinh trắc học của tổ chức, cá nhân hoặc phát hiện giao dịch đáng ngờ trong quá trình ký số hoặc khi phát hiện ra bất cứ sai sót nào có ảnh hưởng đến quyền lợi của thuê bao và người nhận;
- (c) Khi thuê bao là tổ chức tạm ngừng toàn bộ hoạt động kinh doanh;
- (d) Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông;
- (e) Theo điều kiện tạm dừng chứng thư chữ ký số công cộng đã được quy định trong hợp đồng giữa thuê bao và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

6.2. Chứng thư chữ ký số công cộng của bên A bị thu hồi trong những trường hợp sau đây:

- (a) Khi Bên A có yêu cầu bằng văn bản và yêu cầu này đã được bên B xác minh là chính xác;
- (b) Thu hồi chứng thư chữ ký số khi thuê bao là cá nhân đã chết hoặc mất tích theo tuyên bố của tòa án hoặc thuê bao là tổ chức giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;
- (c) Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Khoa học và công nghệ;
- (d) Khi Bên A không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng này;
- (e) Theo điều kiện thu hồi chứng thư số đã được quy định trong hợp đồng giữa hai bên và Quy chế chứng thực chữ ký số E-CA;
- (f) Khi thuê bao thay đổi thông tin, địa chỉ liên hệ mà không thông báo cho E-CA và E-CA nhiều lần không liên lạc được để bổ sung thông tin so với đăng ký ban đầu.

6.3. Khi có căn cứ tạm dừng, thu hồi chứng thư số quy định tại Điều 6.1 và 6.2 hợp đồng này, E-CA sẽ tiến hành tạm dừng, thu hồi và đồng thời ngay lập tức thông báo cho Bên A và công bố trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số việc tạm dừng, thu hồi, thời gian bắt đầu và kết thúc việc tạm dừng.

6.4. Chứng thư số của Bên A sẽ được khôi phục lại khi các căn cứ của tạm dừng chứng thư số tại khoản 6.1 của điều 6 kết thúc, hoặc thời hạn tạm dừng theo yêu cầu của Bên A đã hết hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6.5. Các trường hợp khác theo quy định của bên B và pháp luật.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ**7.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A**

- 7.1.1. Bên A nhận thức đầy đủ quyền và trách nhiệm khi thực hiện giao dịch sử dụng dịch vụ trên đây, đồng thời chịu trách nhiệm đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khóa bí mật.
- 7.1.2. Bên A cung cấp đầy đủ hồ sơ đề nghị phát hành chứng thư chữ ký số theo điều 34 Nghị định 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 kèm theo hợp đồng này.
- 7.1.3. Bên A có quyền yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cung cấp bằng văn bản những thông tin theo hợp đồng đã giao kết.
- 7.1.4. Bên A có quyền yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng tạm dừng, thu hồi chứng thư chữ ký số đã cấp và tự chịu trách nhiệm về yêu cầu đó.
- 7.1.5. Bên A có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định một cách trung thực, chính xác cho bên B. Trường hợp có sự thay đổi về một trong các thông tin đã cung cấp, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B để thực hiện thay đổi nội dung chứng thư chữ ký số công cộng.

- 7.1.6. Trường hợp tự tạo cặp khóa cho mình, thuê bao (bên A) phải đảm bảo thiết bị tạo cặp khóa đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng.
- 7.1.7. Bên A có trách nhiệm kiểm soát và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư chữ ký số có hiệu lực và bị tạm dừng.
- 7.1.8. Bên A thông báo trong thời gian 24 giờ cho bên B nếu phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của mình đã bị lộ, bị đánh cắp hoặc sử dụng trái phép để có các biện pháp xử lý.
- 7.1.9. Khi đã đồng ý để tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng công bố chứng thư chữ ký số công cộng theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của Nghị định 23/2025/NĐ-CP hoặc khi đã phát hành chứng thư chữ ký số công cộng đó cho người khác với mục đích để giao dịch. Bên A được coi là đã cam kết với người nhận rằng bên A là người nắm giữ hợp pháp khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trên chứng thư chữ ký số công cộng đó và những thông tin trên chứng thư chữ ký số công cộng liên quan đến bên A là đúng sự thật, đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ xuất phát từ chứng thư chữ ký số công cộng đó.
- 7.1.10. Bên A chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm quy định tại các điểm 6,7,8,9 điều 7.1 của Hợp đồng này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
- 7.1.11. Bên A có nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc tạo, sử dụng và quản lý khóa
- (a) Trực tiếp đến Bên B nhận Token/PIN hoặc đề nghị Bên B gửi đến địa chỉ mà Bên A chỉ định.
 - (b) Chịu trách nhiệm quản lý Token và bảo mật PIN của thiết bị lưu CKS.
 - (c) Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại xảy ra nếu vi phạm quy định của hợp đồng.
 - (d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Bên B và trước pháp luật về mục đích sử dụng chứng thư chữ ký số cũng như mọi thiệt hại xảy ra do lỗi của mình trong việc sử dụng/quản lý khóa bí mật.
 - (e) Các trách nhiệm khác theo quy định của Điều khoản, điều kiện hợp đồng và các quy định có liên quan của pháp luật.
- 7.1.12. Bên A có nghĩa vụ trong việc thay đổi, tạm dừng, khôi phục và thu hồi chứng thư số
- (a) Bên A phải có đơn đề nghị thay đổi chứng thư số khi có nhu cầu.
 - (b) Bên A phải có yêu cầu bằng văn bản tới Bên B trong trường hợp yêu cầu thay đổi, tạm dừng, khôi phục và thu hồi chứng thư số.

7.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B

- 7.2.1. Bên B đảm bảo cung cấp cho Bên A dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng dành cho bên A sau khi kiểm tra thông tin trong hồ sơ đề nghị phát hành chứng thư chữ ký số của bên A là chính xác;
- 7.2.2. Bên B đảm bảo cung cấp cho bên A chứng thư chữ ký số công cộng có đầy đủ những thông tin được quy định tại Điều 6 của Nghị định 23/2025/NĐ-CP và đáp ứng đủ các yêu cầu theo K3 Điều 22 Luật GDĐT 2023.
- 7.2.3. Bên B đảm bảo hệ thống của mình để tạo khóa và phân phối khóa cho thuê bao
- (a) Tổ chức, cá nhân đề nghị phát hành chứng thư chữ ký số có thể tự tạo cặp khóa hoặc yêu cầu bằng văn bản tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng tạo cặp khóa cho mình.
 - (b) Trường hợp Bên A tự tạo cặp khóa, Bên B cần bảo đảm chắc chắn rằng tổ chức, cá nhân đó đã sử dụng thiết bị tạo cặp khóa theo đúng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng để tạo ra và lưu trữ cặp khóa.
 - (c) Trường hợp Bên B tạo cặp khóa, Bên B bảo đảm sử dụng các phương thức an toàn để chuyển giao khóa bí mật đến Bên A và chỉ được lưu bản sao của khóa bí mật khi Bên A có yêu cầu bằng văn bản.
 - (d) Trường hợp bên B cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình ký số từ xa, tổ chức đó được lưu khóa bí mật của bên A và phải bảo đảm sử dụng các phương thức an toàn để lưu trữ.

- 7.2.4. Liên quan đến hoạt động quản lý khóa, Bên B có trách nhiệm sau:
- Thông báo ngay cho bên A, đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của bên A đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc bất cứ sự sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của bên A;
 - Khuyến cáo cho Bên A việc thay đổi cặp khóa khi cần thiết nhằm bảo đảm tính tin cậy và an toàn cao nhất cho cặp khóa;
 - Khôi phục phương tiện lưu khóa bí mật theo đề nghị của bên A.
- 7.2.5. Bên B đảm bảo việc sử dụng dịch vụ của thuê bao liên tục, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hiệu lực của chứng thư chữ ký số và việc kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số của thuê bao là liên tục.
- 7.2.6. Bên B có trách nhiệm giải quyết các rủi ro xảy ra cho thuê bao và người nhận trong trường hợp lỗi được xác định của bên B.
- Thiệt hại xảy ra là hậu quả của việc đưa lên chứng thư chữ ký số những thông tin không chính xác so với những thông tin do Bên A đã cung cấp.
 - Thiệt hại xảy ra là hậu quả của việc Bên B để lộ thông tin của thuê bao mà Bên B có nghĩa vụ lưu trữ bí mật.
- 7.2.7. Bên B có trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin riêng, thông tin cá nhân và thiết bị lưu trữ chứng thư chữ ký số cho thuê bao theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin và pháp luật khác có liên quan.
- 7.2.8. Tiếp nhận thông tin:
Bên B có trách nhiệm đảm bảo kênh tiếp nhận thông tin hoạt động 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần từ thuê bao liên quan đến việc sử dụng chứng thư chữ ký số.
- 7.2.9. Trường hợp bị tạm đình chỉ, Bên B có trách nhiệm:
- Duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến chứng thư chữ ký số đã phát hành cho đến khi được phục hồi chứng thư chữ ký số.
 - Duy trì cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ cho đến khi được phục hồi chứng thư chữ ký số.
- 7.2.10. Khi bị thu hồi giấy phép, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng phải thông báo ngay cho thuê bao về việc ngừng cung cấp dịch vụ của mình và thông tin về tổ chức tiếp nhận cơ sở dữ liệu của mình để đảm bảo quyền lợi sử dụng dịch vụ của thuê bao.
- 7.2.11. Bên B có quyền như sau:
- Bên B được quyền thay đổi các quy trình nghiệp vụ theo quy định mới ban hành của cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền.
 - Bên B được quyền yêu cầu Bên A bổ sung các thông tin, giấy tờ theo quy định của cơ quan quản lý Nhà Nước tại thời điểm CTS của Bên A vẫn còn hiệu lực.
 - Bên B được miễn trách nhiệm trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin... bị trục trặc, hoặc vì bất cứ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của E-CA.
 - Bên B được quyền tạm dừng, thu hồi khi phát hiện tài liệu, thông tin do thuê bao cung cấp còn thiếu, không chính xác, không trung thực, sai sự thật.
- 7.2.12. Trường hợp bên B từ chối phát hành chứng thư chữ ký số công cộng thì phải thông báo cho bên A biết.
- 7.2.13. Bên B bảo hành thiết bị lưu trữ chứng thư số E-CA Token trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng nếu xảy ra các lỗi do kỹ thuật của thiết bị.
Bên B sẽ không thực hiện việc bảo hành thiết bị E-CA Token trong trường hợp: thiết bị bị vỡ, bị dính nước, cháy nổ, biến dạng, hư hỏng do các loại hóa chất, chất lỏng... và hư hại không còn giữ nguyên hiện trạng ban đầu.
- 7.2.14. Bên B cung cấp thông tin của Bên A cho cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu theo đúng quy định của luật pháp.

7.2.15. Bên B cam kết bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân của khách hàng theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20/6/2023, Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/05/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

7.2.16. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8. THỦ TỤC KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

8.1. Bên B đảm bảo tuân thủ pháp luật về thương mại, dân sự; quy định về giải quyết tranh chấp được quy định tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20/6/2023 và quy định về giải quyết khiếu nại của người sử dụng dịch vụ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông quy định tại Thông tư 05/2011/TT-BTTTT ngày 28/01/2011.

8.2. Trong trường hợp Bên A có khiếu nại về dịch vụ của Bên B, Bên A sẽ thực hiện thủ tục khiếu nại theo quy trình mà Bên B đã ban hành và công bố trên website: <https://eca.com.vn/>

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

9.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ lụt, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, ... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

9.2. Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng dẫn tới các sản phẩm, dịch vụ của Bên B không thực hiện được theo nội dung trong hợp đồng thì Bên B không phải bồi thường cho Bên A và Bên B không phải hoàn trả các khoản chi phí do Bên A đã thanh toán cho Bên B.

ĐIỀU 10. CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

10.1. Chấm dứt hợp đồng:

10.1.1. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- (a) Trường hợp thuê bao hết hạn theo hiệu lực hợp đồng và không có nhu cầu sử dụng theo thời hạn quy định tại Điều 11 dưới đây.
- (b) Một trong hai bên có quyền yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên kia có các vi phạm xảy ra trong quá trình thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng tại Điều 9.
- (c) Cả hai bên đồng ý rằng việc chấm dứt được đề cập ở đây sẽ được hiểu là không ảnh hưởng đến các quyền và biện pháp khắc phục khác có sẵn cho mỗi bên theo Hợp đồng này, luật áp dụng, quy tắc và quy định.

10.1.2. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi:

- (a) Bên A phát hiện Bên B vi phạm các nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên A sẽ gửi thông báo (bằng văn bản hoặc bằng email, điện thoại) yêu cầu Bên B khắc phục và/hoặc chấm dứt những vi phạm đó. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A mà Bên B không khắc phục và/hoặc chấm dứt vi phạm, Bên A có quyền Đơn phương chấm dứt Hợp đồng và không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào phát sinh do việc chấm dứt Hợp đồng này gây ra. Bên B có nghĩa vụ trả lại cho Bên A phần cước phí Dịch vụ còn lại tương ứng với những ngày Bên A chưa sử dụng Dịch vụ.
- (b) Bên B không thực hiện đầy đủ trách nhiệm đã được đề cập tại Điều 7.2 của Hợp đồng này.

10.1.3. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi:

- (a) Bên A không thực hiện thanh toán cho Bên B (tham chiếu Điều 5 của hợp đồng này).
- (b) Trong thời gian sử dụng Dịch vụ, Bên A có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm các nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên B sẽ gửi thông báo (bằng văn bản hoặc bằng email, điện thoại) yêu cầu Bên A khắc phục và/hoặc chấm dứt những vi phạm đó. Trong

vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B mà Bên A không khắc phục và/hoặc chấm dứt vi phạm, Bên B có quyền Đơn phương chấm dứt Hợp đồng và không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào phát sinh do việc chấm dứt Hợp đồng này gây ra. Đồng thời, Bên B không phải hoàn trả bất kỳ chi phí nào mà Bên A đã thanh toán cho Bên B.

10.2. Thanh lý hợp đồng:

Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý khi chứng thư chữ ký số của Bên A hết hạn mà Bên A không tiếp tục gia hạn chứng thư chữ ký số, không tiếp tục thanh toán phí duy trì dịch vụ theo quy định và các bên không xảy ra tranh chấp.

ĐIỀU 11. THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn đến khi chứng thư chữ ký số của Bên A hết hiệu lực sử dụng mà Bên A không tiếp tục gia hạn sử dụng chứng thư chữ ký số.

ĐIỀU 12. CHẤP NHẬN TUÂN THỦ CHÍNH SÁCH CHỨNG THƯ VÀ QUY CHẾ CHỨNG THỰC (CP/CPS)

Ngoài những điều khoản về quyền nghĩa vụ các bên đã quy định tại hợp đồng này, trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng còn chịu sự kiểm soát của Chính sách chứng thư và Quy chế chứng thực E-CA (CP/CPS) đã được Bộ Thông Tin và Truyền Thông phê duyệt.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 13.1. Các vấn đề yêu cầu phát sinh sẽ được các bên nghiên cứu, trao đổi, thống nhất và khi cần thiết sẽ ký các phụ lục bổ sung cho hợp đồng.
Mẫu hợp đồng E-CA đã được niêm yết và công khai trên website: <http://eca.com.vn>.
Bất kỳ hợp đồng đã sửa đổi không trùng khớp với mẫu công bố đều không có giá trị pháp lý.
- 13.2. Các trường hợp bất khả kháng và miễn trách nhiệm các bên cam kết tuân thủ theo Bộ Luật Dân sự 2015 và Luật Thương mại 2005.
- 13.3. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này trước hết phải được các bên giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu không thể thương lượng, hòa giải được thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam. Mọi chi phí phát sinh bên thua kiện chịu.
- 13.4. Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định trong hợp đồng này trên tinh thần thiện chí, hợp tác, trung thực và cùng có lợi.
- 13.5. Nếu hết thời hạn sử dụng chứng thư chữ ký số mà Bên A không thanh toán phí gia hạn dịch vụ như Điều 5 thì áp dụng theo Điều 10.2 của hợp đồng này.
- 13.6. Giấy đề nghị và các giấy tờ cần thiết (nếu có) được kèm theo hợp đồng này.

Hợp đồng được làm thành bốn (04) bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)